TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 504/2024/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 30 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 07 năm 2024

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 509/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: **Anh Trần Trọng H,** sinh năm 1979

Và chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 32, ngõ 84 T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Anh Trần Trọng H và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/07/2007, tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Đây là kết hôn lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 32, ngõ 84 T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Hiện mặc dù sống cùng nhà nhưng anh

chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chị T và anh H và không phải hòa giải thêm.

[2]. Về con chung:

Anh Trần Trọng H và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 10/01/2008 và Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 26/11/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung Trần Ngọc Bảo T và Trần Ngọc Minh C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Anh TrầnTrọng H và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Anh Trần Trọng H và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí:

Anh chị thống nhất chị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

*** Về tình cảm:** Anh Trần Trọng H và chị Nguyễn Thị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Anh Trần Trọng H và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 10/01/2008 và Trần Ngọc Minh C, sinh ngày 26/11/2011. Ly hôn, công nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cả 02 con chung là Trần Ngọc Bảo T và Trần Ngọc Minh C cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật (30/07/2024) cho đến khi con chung đủ tuổi thành thành 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Anh Trần Trọng H và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Anh Trần Trọng H và chị Nguyễn Thị T thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh chị thống nhất chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0024126 ngày 16/07/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
(Số 92, số 01/2007)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Khuất Thị Phương Lan